

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó chủ tịch
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Phan Văn Kiệt	Thành viên

Ban Kiểm Soát

Bà Thạch Thị Phong Huyền	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Huy	Thành viên
Ông Trần Phước Nhật	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

001125
CHI
CƠ
SÁCH N
DEL
VIỆ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên Tổng Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1808/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.257.935.935.372	1.139.816.054.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	160.788.539.679	159.433.871.898
1. Tiền	111		160.788.539.679	106.011.021.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	53.422.850.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		208.200.000.000	187.865.776.051
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	208.200.000.000	187.865.776.051
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		382.995.120.283	283.969.016.926
1. Phải thu khách hàng	131		277.087.861.045	227.100.806.096
2. Trả trước cho người bán	132		48.563.994.123	29.349.308.867
3. Phải thu nội bộ	133	7	30.412.049.553	1.286.513.542
4. Các khoản phải thu khác	135	8	26.931.215.562	26.232.388.421
IV. Hàng tồn kho	140	9	479.488.655.645	471.638.803.815
1. Hàng tồn kho	141		491.029.678.762	484.351.470.356
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.541.023.117)	(12.712.666.541)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.463.619.765	36.908.586.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.560.000	10.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.332.539.765	36.828.086.165
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		120.520.000	70.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		403.463.379.246	403.884.681.556
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.847.912.077	14.847.912.077
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	7	14.847.912.077	14.847.912.077
II. Tài sản cố định	220		138.447.415.364	158.518.519.137
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	133.664.062.724	151.343.490.177
- Nguyên giá	222		440.468.996.147	404.894.162.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(306.804.933.423)	(253.550.672.286)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.783.352.640	7.175.028.960
- Nguyên giá	228		34.353.853.043	34.353.853.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.570.500.403)	(27.178.824.083)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	230.015.346.533	209.267.825.692
* 1. Đầu tư vào công ty con	251		71.625.265.240	71.625.265.240
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		106.562.206.094	86.695.174.962
3. Đầu tư dài hạn khác	258		71.403.370.000	73.682.681.132
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.575.494.801)	(22.735.295.642)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.152.705.272	21.250.424.650
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	13.874.909.783	16.342.877.067
2. Tài sản dài hạn khác	268	14	6.277.795.489	4.907.547.583
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.661.399.314.618	1.543.700.736.411

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.229.586.020.695	1.152.382.614.506
I. Nợ ngắn hạn	310		1.196.211.204.347	1.119.916.095.816
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	95.647.598.221	104.403.966.536
2. Phải trả người bán	312		555.720.999.745	483.013.805.492
3. Người mua trả tiền trước	313		102.055.760.061	142.062.530.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	21.295.838.708	21.084.668.757
5. Phải trả công nhân viên	315		215.375.773.391	190.419.185.319
6. Chi phí phải trả	316		7.980.285.386	5.137.030.461
7. Phải trả nội bộ	317		2.139.301.417	5.590.638.710
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	120.020.636.877	109.394.313.301
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		75.975.010.541	58.809.956.588
II. Nợ dài hạn	330		33.374.816.348	32.466.518.690
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.764.396.400	2.751.400.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	153.034.326
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	18	28.066.938.375	25.418.957.500
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.543.481.573	4.143.126.864
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.813.293.923	391.318.121.905
I. Vốn chủ sở hữu	410		431.813.293.923	391.318.121.905
1. Vốn điều lệ	411	19	280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.469.859.758	24.469.859.758
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.693.895.152	1.693.895.152
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	101.220.581.998	68.072.030.393
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	23.351.803.047	16.445.854.796
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	21	1.077.153.968	636.481.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.661.399.314.618	1.543.700.736.411

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng


Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾNSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết số minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.852.287.869.905	3.356.275.835.472
2. Các khoản giảm trừ	02		1.463.498.480	1.040.968.982
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.850.824.371.425	3.355.234.866.490
4. Giá vốn hàng bán	11		3.408.797.752.694	2.954.029.309.558
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		442.026.618.731	401.205.556.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	56.882.865.837	73.812.266.605
7. Chi phí tài chính	22	24	9.785.017.951	49.693.074.304
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		937.417.424	5.335.826.639
8. Chi phí bán hàng	24		186.441.562.853	170.859.485.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		149.768.873.498	114.544.933.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		152.914.030.266	139.920.329.440
11. Thu nhập khác	31		21.648.924.948	22.859.694.422
12. Chi phí khác	32		4.524.618.494	12.108.780.602
13. Lợi nhuận khác	40	25	17.124.306.454	10.750.913.820
14. Lợi nhuận trước thuế	50		170.038.336.720	150.671.243.260
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	31.919.371.698	25.703.636.965
16. Lợi nhuận sau thuế	60		138.118.965.022	124.967.606.295

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Bích Thủy
Người lậpNguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởngBà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	170.038.336.720	150.671.243.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	56.545.506.709	42.340.907.078
- Các khoản dự phòng	03	(4.331.444.265)	3.473.375.947
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.448.548.071)	685.205.223
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(48.257.667.327)	(54.718.746.536)
- Chi phí lãi vay	06	937.417.424	5.335.826.639
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	173.483.601.190	147.787.811.611
- Biến động các khoản phải thu	09	(86.989.786.841)	(98.626.450.623)
- Biến động hàng tồn kho	10	(6.678.208.406)	(124.159.756.228)
- Biến động các khoản phải trả	11	59.957.192.673	270.635.868.224
- Biến động chi phí trả trước	12	1.097.659.378	(3.470.678.058)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.211.623.102)	(5.343.022.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.866.294.649)	(17.878.981.005)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	97.100.000	60.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.555.839.051)	(12.662.069.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.333.801.192	156.342.721.497
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(26.360.017.763)	(93.445.001.749)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	94.772.727	15.834.047.019
3. Tiền chi cho vay và đầu tư ngắn hạn	23	(52.554.000.000)	(52.728.788.460)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	52.555.500.000	44.849.153.706
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(43.541.943.949)	(25.916.405.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	11.400.000.000	3.102.058.740
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.052.233.986	47.363.617.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.353.454.999)	(60.941.318.690)

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

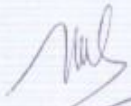
Mẫu B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	-	71.600.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	153.579.902.475	365.782.487.256
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(162.489.305.116)	(493.551.935.124)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(64.060.000.000)	(48.300.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(72.969.402.641)</i>	<i>(104.469.447.868)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>1.010.943.552</i>	<i>(9.068.045.061)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	159.433.871.898	168.372.281.318
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	343.724.229	129.635.641
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	<u>160.788.539.679</u>	<u>159.433.871.898</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức trong kỳ không bao gồm khoản tiền 70.000.0000.000 đồng (31/12/2011: 64.060.000.000 đồng), là số cổ tức đã công bố mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng




Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty là công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước "Tổng Công ty May Việt Tiến", theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam là cổ đông chính của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.010 người (31 tháng 12 năm 2011: 5.673 người).

Hoạt động chính

Tổng Công ty chuyên ngành chủ yếu là sản xuất và kinh doanh may mặc, cụ thể như sau:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại.
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng.
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp.
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp.
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi.
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay, và các khoản dự phòng.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

*** Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được nếu giá trị thuần thấp hơn giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh (đối với nguyên phụ liệu) và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá mua bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư vào các công ty mà tỷ lệ sở hữu dưới 20%. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định hiện hành.

112500-
 HI NH
 CÔNG
 NHÌEM
 ELOIT
 IET N
 TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện tiền thuê lại 22.261,9 m² đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê lại đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Chi phí trả trước dài hạn còn thể hiện chi phí xây dựng nhà kho trên đất thuê tại Xí nghiệp may Veston Vimiky, Quận Tân Bình và chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí xây dựng nhà kho và chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian còn lại của đất thuê là 9 năm và các chi phí thuê từ 2 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho được ghi nhận theo quy định của hợp đồng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản chi phí trích trước

Các khoản chi phí trích trước được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

002
NH
TƯ
ƯU
TƯ
IM
IC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

- Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.084.172.705	2.003.425.118
Tiền gửi ngân hàng	159.704.366.974	104.007.596.780
Các khoản tương đương tiền	-	53.422.850.000
	<u>160.788.539.679</u>	<u>159.433.871.898</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 0,5%/năm.

7. PHẢI THU NỘI BỘ VÀ VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

	31/12/2012		31/12/2011	
	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc
	VND	VND	VND	VND
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tungshing	29.818.158.360	10.373.912.077	-	10.373.912.077
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal - Việt Tiến	73.273.089	3.850.000.000	692.136.000	3.850.000.000
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	520.618.104	624.000.000	594.377.542	624.000.000
	30.412.049.553	14.847.912.077	1.286.513.542	14.847.912.077

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đồng Á	25.869.278.900	24.538.618.286
Các khoản phải thu khác	1.061.936.662	1.693.770.135
	26.931.215.562	26.232.388.421

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đồng Á là tiền gốc và lãi cho vay theo hợp đồng 01A/VTEC-VTDA/2011 ngày 12 tháng 8 năm 2011. Khoản cho vay này có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân và với lãi suất là 5,46%/năm và đã được gia hạn thêm thời hạn thêm thời hạn 1 năm trong năm 2012.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	58.656.597.446	44.206.740.540
• Nguyên liệu, vật liệu	93.622.522.320	117.947.891.132
Công cụ, dụng cụ	350.115.609	377.102.158
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	145.838.773.363	124.133.696.851
Thành phẩm	149.086.395.084	137.552.316.402
Hàng hoá	7.779.003.689	3.829.917.728
Hàng gửi đi bán	35.696.274.251	56.303.805.545
	491.029.678.762	484.351.470.356
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.541.023.117)	(12.712.666.541)
	479.488.655.645	471.638.803.815

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	129.275.346.136	256.620.824.473	11.863.873.632	7.134.118.222	404.894.162.463
Tăng trong năm:	836.765.000	33.204.356.591	1.767.956.364	665.324.981	36.474.402.936
- Mua trong năm	836.765.000	33.204.356.591	1.767.956.364	665.324.981	36.474.402.936
Giảm trong năm:	-	(331.567.456)	(238.840.978)	(329.160.818)	(899.569.252)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(331.567.456)	(238.840.978)	(329.160.818)	(899.569.252)
Tại ngày 31/12/2012	130.112.111.136	289.493.613.608	13.392.989.018	7.470.282.385	440.468.996.147
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	52.322.447.737	188.069.867.764	7.096.713.175	6.061.643.610	253.550.672.286
Tăng trong năm:	11.587.801.253	39.868.280.152	1.749.446.627	948.302.357	54.153.830.389
- Trích khấu hao trong năm	11.587.801.253	39.868.280.152	1.749.446.627	948.302.357	54.153.830.389
Giảm trong năm:	-	(331.567.456)	(238.840.978)	(329.160.818)	(899.569.252)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(331.567.456)	(238.840.978)	(329.160.818)	(899.569.252)
Tại ngày 31/12/2012	63.910.248.990	227.606.580.460	8.607.318.824	6.680.785.149	306.804.933.423
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	66.201.862.146	61.887.033.148	4.785.670.194	789.497.236	133.664.062.724
Tại ngày 31/12/2011	76.952.898.399	68.550.956.709	4.767.160.457	1.072.474.612	151.343.490.177

Tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 200.526.226.174 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 179.769.658.631 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vì tính VND	Lợi thế kinh doanh VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	1.873.233.785	20.522.237.658	11.958.381.600	34.353.853.043
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	1.873.233.785	20.522.237.658	11.958.381.600	34.353.853.043
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	1.873.233.785	20.522.237.658	4.783.352.640	27.178.824.083
Tăng trong kỳ	-	-	2.391.676.320	2.391.676.320
Tại ngày 31/12/2012	1.873.233.785	20.522.237.658	7.175.028.960	29.570.500.403
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	-	-	4.783.352.640	4.783.352.640
Tại ngày 31/12/2011	-	-	7.175.028.960	7.175.028.960

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản với nguyên giá là 1.873.233.785 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Lợi thế kinh doanh trên báo cáo tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp 29 tháng 6 năm 2007. Lợi thế kinh doanh được xác định trên cơ sở giá trị phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty và chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước bình quân trong 3 năm trước khi cổ phần hóa và lãi suất trái phiếu chính phủ trả trước kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất. Giá trị lợi thế thương mại đã được phân bổ hết vào kết quả kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 18 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Mỹ Hòa, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 11.958.381.600 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng Công ty nhận bàn giao khu đất từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết tỷ lệ góp vốn và quyền biểu quyết tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào các công ty con				
Công ty TNHH May Thuận Tiến	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty TNHH Nam Thiên	83,55	83,55	83,55	83,55
Công ty TNHH May Tiến Thuận	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty Việt Tiến Meko	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty TNHH May xuất khẩu Việt Hồng	25,00	66,78	25,00	66,78
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH LD SX nút nhựa Việt Thuận	40,00	40,00	40,00	40,00
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty cổ phần may Việt Tân	34,98	34,98	34,98	34,98
Công ty Cổ phần Việt Hưng	32,53	32,53	22,53	22,53
Công ty Cổ phần may Việt Thịnh	25,00	25,00	25,00	25,00
Công ty CP nguyên vật liệu Dệt may Bình An	20,85	20,85	20,85	20,85
Công ty Cổ phần may Công Tiến	26,00	26,00	26,00	26,00
Công ty Cổ phần may Vĩnh Tiến	26,00	26,00	26,00	26,00
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	26,06	26,06	26,06	26,06
Công ty Cổ phần may Tiến Tiến	36,77	36,77	36,77	36,77
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	30,00	30,00	20,00	20,00
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	55,06	49,00	55,06	49,00
Công ty Cổ phần may Tây Đô	45,83	45,83	45,83	45,83
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	30,01	34,98	15,06	15,06

Chi tiết các khoản đầu vào công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
* Công ty TNHH May Thuận Tiến	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Nam Thiên	14.309.600.000	14.309.600.000
Công ty TNHH May Tiến Thuận	17.170.500.000	17.170.500.000
Công ty Việt Tiến Meko	21.145.165.240	21.145.165.240
Công ty TNHH May xuất khẩu Việt Hồng	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư vào các công ty con	71.625.265.240	71.625.265.240

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết các khoản đầu vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Công ty TNHH Liên doanh SX nút nhựa Việt Thuận	2.371.195.263	2.371.195.263
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	3.041.864.740	3.041.864.740
Công ty cổ phần may Việt Tân	1.829.800.000	1.829.800.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	14.359.000.000	6.760.000.000
Công ty Cổ phần may Việt Thịnh	6.655.774.959	6.655.774.959
Công ty Cổ phần nguyên vật liệu Dệt may Bình An	23.138.840.000	23.138.840.000
Công ty Cổ phần may Công Tiến	5.460.000.000	5.460.000.000
Công ty Cổ phần may Vĩnh Tiến	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	6.645.000.000	6.645.000.000
Công ty Cổ phần may Tiến Tiến	9.327.200.000	9.327.200.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	15.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty Cổ phần may Tây Đô	6.415.500.000	6.415.500.000
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	7.268.031.132	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	106.562.206.094	86.695.174.962
Ngân Hàng Đông Á	15.061.750.000	13.843.580.000
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	15.150.000.000	15.150.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may 29/3	-	5.620.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	-	3.877.481.132
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Dệt May Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Thủ Đức	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Chi May Phong Việt	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex	5.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	71.403.370.000	73.682.681.132
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(19.575.494.801)	(22.735.295.642)
Đầu tư dài hạn thuần	230.015.346.533	209.267.825.692

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	16.342.877.067	13.256.840.329
Tăng trong năm	3.063.976.107	5.754.504.155
* Phân bổ vào chi phí trong năm	(5.531.943.391)	(2.668.467.417)
Số dư cuối năm	13.874.909.783	16.342.877.067

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng, cửa hàng, kho với thời hạn thuê trên 1 năm. Các khoản ký quỹ này sẽ được thu hồi khi hợp đồng thuê hết thời hạn và được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại	31.660.266.120	40.789.969.409
Vay ngắn hạn khác	63.987.332.101	63.613.997.127
	95.647.598.221	104.403.966.536

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn cho vay được tính theo giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay và lãi được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty và Quỹ Đảng phí. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất hoặc chịu lãi suất bằng lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo từng thời điểm. Lãi tiền vay sẽ được gộp vào vốn gốc nếu các bên cho vay không có nhu cầu rút lãi.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.769.275.518	18.716.198.469
Các loại thuế khác	8.526.563.190	2.368.470.288
	21.295.838.708	21.084.668.757

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả khác về chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	9.511.175.000	9.511.175.000
Phải trả khác – Quyền sử dụng đất tại Hóc Môn	11.958.381.600	11.958.381.600
Cổ tức phải trả	70.000.000.000	64.060.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	11.409.483.014	-
Phải trả khác	17.141.597.263	23.864.756.701
	120.020.636.877	109.394.313.301

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

- khoản phải trả cho Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh với số tiền 11.958.381.600 đồng là giá trị quyền sử dụng lô đất tại ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công Ty Kiểm Toán và Kế Toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 5 năm 2010.
- cổ tức phải trả bao gồm cổ tức tạm tính 25% trên mệnh giá cổ phần được phát hành cho các cổ đông hiện hữu.
- khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm thuộc giai đoạn trước cổ phần hóa chưa sử dụng hết phải trả cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.

19. VỐN ĐIỀU LỆ

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			Tại ngày 31/12/2011		
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - đại diện vốn Nhà nước	13.405.920	47,88	134.059.200.000	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Công ty Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	28.000.000	100	280.000.000.000	28.000.000	100	280.000.000.000

Cổ phần

	31/12/2012	31/12/2011
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>cổ phần</u>	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	
Tại ngày 1/1/2011	230.000.000.000	2.869.859.758	232.869.859.758
Góp vốn trong năm	50.000.000.000	21.600.000.000	71.600.000.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>280.000.000.000</u>	<u>24.469.859.758</u>	<u>304.469.859.758</u>
Góp vốn trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>280.000.000.000</u>	<u>24.469.859.758</u>	<u>304.469.859.758</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CÁC QUỸ**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND
Tại ngày 1/1/2011	38.496.470.866	10.301.640.977
Tăng trong năm – Trích trong năm theo điều lệ	29.992.225.511	6.248.380.315
Giảm trong năm – Điều chỉnh giảm theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	(416.665.984)	(104.166.496)
Tại ngày 31/12/2011	68.072.030.393	16.445.854.796
Tăng trong năm	33.148.551.605	6.905.948.251
Tại ngày 31/12/2012	101.220.581.998	23.351.803.047

21. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	636.481.806	48.325.504.132
Tăng trong năm:	170.038.336.720	150.671.243.260
- Lợi nhuận trước thuế	170.038.336.720	150.671.243.260
Giảm trong năm:	169.597.664.558	198.360.265.586
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	31.919.371.698	25.703.636.965
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.919.371.698	25.703.636.965
- Lợi nhuận chia cho các bên liên kết, cổ đông	70.000.000.000	112.360.000.000
+ Chia cổ tức của năm 2010: 21%	-	48.300.000.000
+ Trích cổ tức của năm 2011: (25%*253 tỷ + 3%*27 tỷ)	-	64.060.000.000
+ Tạm trích cổ tức của năm 2012: 25%	70.000.000.000	-
- Phân phối các quỹ trong năm:	67.678.292.860	60.296.628.621
+ Quỹ đầu tư phát triển	33.148.551.605	29.992.225.511
+ Quỹ dự phòng tài chính	6.905.948.251	6.248.380.315
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng theo KQKD	27.623.793.004	24.993.521.259
+ Điều chỉnh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2011	-	(937.498.464)
Số dư cuối năm	1.077.153.968	636.481.806

Cổ tức năm 2012 được tạm trích theo quyết định ngày 31 tháng 1 năm 2013 của Tổng Giám đốc.

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.126.304.560.020	1.448.225.789.870
Chi phí nhân công	563.432.255.142	384.384.077.375
Chi phí khấu hao	52.999.485.122	39.208.337.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	902.195.433.906	803.015.763.288
Chi phí khác	130.691.739.626	79.747.692.061
	3.775.623.473.816	2.754.581.660.166

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay và trả chậm	8.533.088.533	25.166.788.052
Lãi do chuyển nhượng vốn	5.780.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.849.806.067	23.012.669.233
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.271.423.166	25.632.809.320
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.448.548.071	-
	<u>56.882.865.837</u>	<u>73.812.266.605</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	937.417.424	5.335.826.639
Dự phòng đầu tư tài chính	628.027.532	4.117.392.281
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.787.828.373)	(5.240.905.981)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.608.901.368	43.814.474.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	685.205.223
Lỗ do chuyển nhượng vốn đầu tư	-	981.081.570
Chi phí tài chính khác	1.398.500.000	-
	<u>9.785.017.951</u>	<u>49.693.074.304</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	94.772.727	15.834.047.019
Chênh lệch đánh giá lại do góp vốn liên doanh	-	479.656.908
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	5.533.896.358	5.859.329.867
Các khoản thu khác	2.010.781.377	686.660.628
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	14.009.474.486	-
Thu nhập khác	<u>21.648.924.948</u>	<u>22.859.694.422</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	(9.115.521.375)
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	(3.546.021.587)	(2.873.510.290)
Các khoản chi khác	(978.596.907)	(119.748.937)
Chi phí khác	<u>(4.524.618.494)</u>	<u>(12.108.780.602)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>17.124.306.454</u>	<u>10.750.913.820</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	170.038.336.720	150.671.243.260
Cộng:	25.510.487.426	2.169.003.568
- Các khoản chi phí không được trừ	2.134.709.766	2.021.676.500
- Các khoản thuế bị truy thu, tiền phạt	7.100.000	4.050.000
- Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc theo luật lao động và theo luật thuế TNDN	21.064.641.705	143.277.068
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản để góp vốn	2.304.035.955	-
Trừ:	(34.138.046.481)	(23.012.669.233)
- Lợi nhuận được chia từ liên doanh, liên kết, hợp đồng hợp tác kinh doanh	(32.451.306.067)	(23.012.669.233)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo kết quả thanh tra Bộ Tài Chính	(1.080.886.683)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(605.853.731)	-
Thu nhập chịu thuế	161.410.777.665	129.827.577.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định	40.352.694.416	32.456.894.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm	(8.622.477.888)	(6.753.257.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo biên bản thanh tra Bộ Tài Chính	189.155.170	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.919.371.698	25.703.636.965

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2012/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó, Tổng Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chính

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

27. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
* Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	27.906.194.511	21.894.681.325

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Kể từ 31/12/2012 VND	Kể từ 31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	23.138.833.621	16.237.496.512
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	37.930.396.491	23.098.475.329
Sau năm năm	12.651.637.616	12.453.101.782
	73.720.867.729	51.789.073.623

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê mặt bằng và nhà xưởng của Công ty Dệt may 7 tại số 148 đường số 7, Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình. Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.150.000.000 đồng/năm, nhận mặt bằng kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2004, thanh toán tiền thuê vào ngày 15 tháng 7 hàng năm. Thời hạn của Hợp đồng là 10 năm, sau 5 năm nếu có thay đổi sẽ bàn bạc, thỏa thuận lại giá thuê nhưng không được vượt quá 15% giá trị cho thuê đã ký kết.

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.788.539.679	159.433.871.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	349.279.038.237	269.467.620.136
Các khoản đầu tư tài chính	208.200.000.000	187.865.776.051
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	6.277.795.489	4.907.547.583
Tổng cộng	724.545.373.405	621.674.815.668
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	95.647.598.221	104.557.000.862
Phải trả người bán và phải trả khác	677.880.938.039	673.381.003.325
Chi phí phải trả	7.980.285.386	5.137.030.461
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	2.764.396.400	2.751.400.000
Tổng cộng	784.273.218.046	785.826.434.648

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	485.721.139.585	379.043.031.644	402.315.982.454	516.613.281.874
Yên Nhật (JPY)	9.927.552.000	11.209.860.800	-	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	(4.170.257.857)	6.878.512.512
Yên Nhật Bản (JPY)	(496.377.600)	(560.493.040)

Quản lý rủi ro lãi suất

- Tài sản tài chính hưởng lãi suất cố định của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 5 và 6 (các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn). Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất cố định được trình bày tại thuyết minh số 15. Chính sách của Tổng Công ty là giữ các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản vay ngắn hạn trong các công cụ hưởng lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.788.539.679	-	160.788.539.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	334.431.126.160	14.847.912.077	349.279.038.237
Các khoản đầu tư tài chính	208.200.000.000	-	208.200.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	6.277.795.489	6.277.795.489
Tổng cộng	703.419.665.839	21.125.707.566	724.545.373.405
31/12/2012			
Các khoản vay	95.647.598.221	-	95.647.598.221
* Phải trả người bán và phải trả khác	677.891.562.386	-	677.891.562.386
Chi phí phải trả	7.980.285.386	-	7.980.285.386
Các khoản nhận ký quỹ	-	2.764.396.400	2.764.396.400
Tổng cộng	781.519.445.993	2.764.396.400	784.283.842.393
Chênh lệch thanh khoản thuần	(78.099.780.154)	18.361.311.166	(59.738.468.988)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.433.871.898	-	159.433.871.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	254.619.708.059	14.847.912.077	269.467.620.136
Các khoản đầu tư tài chính	187.865.776.051	-	187.865.776.051
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	4.907.547.583	4.907.547.583
Tổng cộng	601.919.356.008	19.755.459.660	621.674.815.668
31/12/2011			
Các khoản vay	104.403.966.536	153.034.326	104.557.000.862
Phải trả người bán và phải trả khác	673.381.003.325	-	673.381.003.325
Chi phí phải trả	5.137.030.461	-	5.137.030.461
Các khoản nhận ký quỹ	-	2.751.400.000	2.751.400.000
Tổng cộng	782.922.000.322	2.904.434.326	785.826.434.648
Chênh lệch thanh khoản thuần	(181.002.644.314)	16.851.025.334	(164.151.618.980)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh 15.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
<u>Các công ty con</u>		
Công ty TNHH May Tiến Thuận	1.113.821.748	1.584.114.630
Công ty TNHH May Thuận Tiến	976.347.965	2.405.769.805
Công ty TNHH Nam Thiên	666.858.665	390.211.550
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	4.053.927.093	5.641.101.565
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	1.048.734.054	7.837.461.322
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	1.835.970.705	1.177.328.302
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	2.324.687.288	5.071.287.860
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	3.153.021.464	1.093.132.909
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	3.563.976.646	1.679.099.363
Công ty Cổ phần May Công Tiến	1.630.101.675	4.966.322.320
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	5.082.182.456	1.196.017.476
Công ty cổ phần May Tiến Tiến	3.275.151.165	1.349.846.406
Công ty cổ phần may Tây Đô	45.000.000	294.467.930
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	324.431.763	38.575.000
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	50.000.000	74.239.233
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	27.648.000	-
<u>Cổ đồng chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	985.133.711.881	982.111.095.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mua hàng

Các công ty con

Công ty TNHH May Tiến Thuận	96.891.045.114	81.590.289.335
Công ty TNHH May Thuận Tiến	94.155.018.034	74.062.799.156
Công ty TNHH Nam Thiên	53.185.588.797	38.550.309.120
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	276.695.776	-
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	126.729.250.646	123.494.001.859

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	6.020.251.970	6.903.851.600
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	66.725.650.499	683.729.574
Công ty Cổ Phần Việt Hưng		59.505.715.914
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	34.229.074.172	573.360.210
Công ty Cổ phần May Công Tiến	121.142.884.708	47.449.151.597
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	112.280.429.273	73.158.864.095
Công ty cổ phần May Tiến Tiến	492.973.864	111.129.763.092
Công ty cổ phần may Tây Đô	81.118.954.845	1.349.846.406
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến		71.136.130.035
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	1.663.434.010	3.324.090.045
Công ty Liên doanh Mex Việt Phát	1.148.144.240	

Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	65.248.343.486	85.541.544.787
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	2.727.505.597	2.311.214.388

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	544.511.854.713	475.255.477.951
---	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và các khoản phụ cấp	5.127.145.378	4.804.385.526

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
--	-------------------	-------------------

Phải thu thương mại

Các công ty con

Công ty TNHH May Tiến Thuận	7.847.595.326	1.004.887.400
Công ty TNHH May Thuận Tiến	366.636.601	2.329.796.435
Công ty TNHH Nam Thiên		-
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	5.285.214.388	-

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	31.664.418	-
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	4.886.503.015	5.228.433.390
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	1.653.843.555	259.248.550
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	212.666.960	1.425.150.006
Công ty Cổ phần May Công Tiến	9.015.319.834	565.833.699
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	51.784.304	149.244.700
Công ty cổ phần May Tiến Tiến		1.435.775.759
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	1.646.153.711	-

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	80.895.471.046	76.002.372.081
---	----------------	----------------

01/12/14
CHI N
CÔN
ICH NH
DELO
VIET
- TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀNSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Phải thu khác****Các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty TNHH Nhân thời trang Việt Tiến	879.820.000	879.820.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	25.869.278.900	24.538.618.286

Trả trước cho nhà cung cấp**Các công ty con**

Công ty TNHH Tiến Thuận	5.100.000.000	-
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	4.300.000.000	-

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần May Việt Tân	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần May Công Tiến	25.148.960.399	21.031.000.000
Công ty TNHH Nhân thời trang Việt Tiến	-	-

Phải trả thương mại**Các công ty con**

Công ty TNHH Tiến Thuận	17.439.705	4.166.100.573
Công ty TNHH Thuận Tiến	4.004.430.131	6.143.573.905
Công ty TNHH Nam Thiên	5.675.911.223	6.597.784.583
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	304.365.343	-
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	9.020.875	26.012.534.994

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	1.324.257.220	461.466.632
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	328.728.097	752.102.530
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	-	2.969.787.143
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	6.770.932.244	9.991.146.915
Công ty Cổ phần May Công Tiến	2.111.745.317	2.427.646.772
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	11.733.030.374	20.636.561.346
Công ty cổ phần May Tiến Tiến	-	7.523.782.604
Công ty cổ phần may Tây Đô	395.474.755	659.376.374
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	657.538.229	-
Công ty Liên doanh Mex Việt Phát	1.312.740.506	-

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	180.914.101.447	61.640.757.929
---	-----------------	----------------

Người mua trả trước**Các công ty con**

Công ty TNHH Việt Tiến Meko	3.090.106.691	7.210.282.405
-----------------------------	---------------	---------------

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	10.046.339.349	7.485.426.919
---	----------------	---------------

Phải thu nội bộ**Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	29.818.158.360	-
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal - Việt Tiến	73.273.089	692.136.000
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	520.618.104	594.377.542

Phải trả nội bộ**Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	1.756.386.304	5.454.711.710
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	382.915.113	135.927.000

0-002
IÁNH
TY
(HƯU)
TTE
NAM
iô cy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

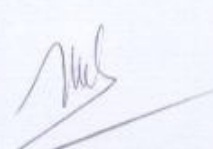
Vào ngày 12 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng bằng Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán nhà nước. Vào ngày 14 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty thực hiện thành công việc chào bán 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn.

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải trả người lao động	315	115.036.939.497	190.419.185.319	(75.382.245.822)
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	184.776.559.123	109.394.313.301	75.382.245.822
Phải trả dài hạn khác	333	2.751.400.000	28.170.357.500	(25.418.957.500)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	25.418.957.500	-	25.418.957.500

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng


Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc

